

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/03/2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị A - Sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Anh Hà Văn B - Sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 04 năm 2020

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 04 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị A và anh Hà Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Bùi Thị A và anh Hà Văn B.

Về con chung: Anh Hà Văn B trực tiếp nuôi cháu Hà Quang E – Sinh ngày 11/09/2009 là con chung của chị Bùi Thị A và anh Hà Văn B cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự

thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Bùi Thị A cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho cháu Huy kể từ ngày 01/05/2020 cho đến khi cháu cháu E đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm.

Việc thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo điều 357 Bộ luật Dân sự. Kể từ khi Quyết định này được ban hành, anh Hà Văn B có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Bùi Thị A không thực hiện đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Bùi Thị A và anh Hà Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị A chịu án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) về việc thuận tình ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0006849 ngày 04/03/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa. Chị A đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- UBND xã D;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Tân